

Bản án số: 159/2019/HS-ST

Ngày: 24-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn T Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Xet;

Ông Lê Bá Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2019/TLST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Đ, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: nam; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Mẫn và bà Võ Thị L; bị cáo có vợ Phạm Ngọc D có con tên Lê Đức N tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-4-2019 đến nay, có mặt.

2. Huỳnh Văn T, sinh năm 2001 tại Hậu Giang; nơi cư trú: ấp Tân Trị 2, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: nam; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Út và bà Huỳnh Oanh Muội; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-4-2019 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Khánh Châu, xã K H, huyện C P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1986, vắng mặt.
2. Ông Trần Đào Minh T, sinh năm 1991, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 14-4-2019, lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện Huỳnh Văn T đang điều khiển xe mô tô biển số 36L2-0848 trên đoạn đường K 45, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có dấu hiệu khả nghi nên lực lượng chức năng kiểm tra thì phát hiện có 02 đoạn ống hút nhựa chứa chất màu trắng dạng tinh thể dán trên hai tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng và 2.000 đồng. T thừa nhận đây ma túy tổng hợp của Lê Văn Đ nhờ T giao cho đối tượng tên Sơn.

Tang vật thu giữ gồm: Có 02 đoạn ống hút nhựa chứa chất màu trắng dạng tinh thể dán trên hai tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng và 2.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 36L2-0848.

Quá trình điều tra xác định, khoảng 07 giờ ngày 14-4-2019, Lê Văn Đ đang ở phòng trọ tại khu phố Bình Chánh, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì đối tượng tên Sơn (không rõ nhân thân), gọi điện nhờ mua ma túy để sử dụng, nhưng do người mà Đ thường xuyên mua ma túy là Vũ (không rõ nhân thân lai lịch) đã chuyển đi chỗ khác nên Đ nói với Sơn là không biết chỗ mua nên Sơn hỏi Đ có ma túy không bán cho Sơn 200.000 đồng, nên Đ đồng ý. Sau đó, Đ gọi cho Huỳnh Văn T nhờ T đem giao ma túy cho Sơn và thu 200.000 đồng, T đi đường K 45, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ, qua trình điều tra xác minh Công an phường K, thị xã T đã tiến hành mời Lê Văn Đ đến làm việc. Sau đó, Công an phường K lập hồ sơ và bàn giao cho Công an thị xã T thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định số 315/MT-PC09 ngày 22-4-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- 01 ống hút màu xanh bên trong chứa tinh thể màu trắng (M1) có khối lượng 0,1435 gam là ma túy loại Methamphetamine thu giữ của Lê Văn Đ và Huỳnh Văn T.

- 01 ống hút màu vàng bên trong chứa tinh thể màu trắng (M2) có khối lượng 0,0963 gam là ma túy loại Methamphetamine thu giữ của Lê Văn Đ và Huỳnh Văn T.

Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với đối tượng tên Sơn có hành vi mua ma túy từ Đ do chưa xác định được nhân thân và địa chỉ cụ thể nên chưa tiến hành làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên Vũ có hành vi bán ma túy cho Đ do chưa xác định được nhân thân và địa chỉ cụ thể nên chưa tiến hành làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại cáo trạng số 133/CT-VKSTU ngày 14-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Văn Đ và Huỳnh Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Văn Đ và Huỳnh Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với mức hình phạt từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 0,1550 gam ma túy loại Methamphetamine (hoàn lại sau giám định) là vật cấm tàng trữ nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động FPT màu Đ imei 1: 980011005255469, imei 2: 980011005305967; 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng là vật chứng trong vụ án, nên tịch thu, sung quỹ theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2, điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 36L2-0848, số khung: FND51000058; số máy YG15FMH030058 và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng, số imei 1: 355079081392693, imei 2: 3550080081392691; trả lại cho ông Nguyễn Văn Ô.

- Đối với Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Văn T đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên hoàn trả lại cho bị cáo T theo quy định tại khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn Đ và Huỳnh Văn T khai nhận: Bị cáo Đ là người nghiện ma túy và thường xuyên mua ma túy từ một đối tượng tên Vũ (không rõ nhân thân lai lịch), ngày 14-4-2019, bị cáo Đ nhận được điện thoại từ đối tượng tên Sơn (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ mua dùm ma túy, nhưng do bị cáo Đ không mua được, nên Sơn hỏi bị cáo Đ còn ma túy bán lại cho Sơn 200.000 đồng, bị cáo Đ đồng ý. Sau đó, bị cáo Đ gọi cho bị cáo T, nói bị cáo T qua phòng trọ của bị cáo Đ lấy ma túy giao cho Sơn, bị cáo T đồng ý. Trên đường đi giao thì bị cáo Đ gọi điện cho bị cáo T nói với T là giao cho Sơn một gói ma túy được dán trên tờ tiền 1.000 đồng, gói còn lại cho bị cáo T sử dụng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;”

Hành vi mua bán trái phép 0,1435 gam là ma túy loại Methamphetamine của bị cáo Đ và bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma

túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án:

Methamphetamine (hàng đá) là một trong những chất được xác định là ma túy, có tác hại lớn đối với sức khỏe người sử dụng, làm cho người nghiện bị giảm sút tinh thần và khi lên cơn nghiện dễ có hành vi phạm tội. Ma túy từ lâu đã là kẻ thù của nhân loại, là gánh nặng cho cộng đồng xã hội. Mọi hành vi “tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy” đều được xem là hành vi nguy hiểm cho xã hội, sẽ bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.

Các bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là người trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân và trở thành người có ích cho xã hội; Các bị cáo đủ khả năng nhận thức được việc sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lười biếng lao động, háo lợi mà các bị cáo vẫn thân vào con đường phạm tội trong khi các bị cáo biết rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị. Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, cần phải phân hóa tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này.

Bị cáo Lê Văn Đ là người chủ động trong việc tìm nguồn hàng, trực tiếp giao dịch mua bán. Do đó, xác định bị cáo Đ là người giữ vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Huỳnh Văn T, xét về vai trò, bị cáo T chỉ là đồng phạm giúp sức tích cực cho Đ, thực hiện theo yêu cầu của bị cáo Đ để được Đ cho ma túy để sử dụng, không trực tiếp giao dịch mua bán và cũng không chủ động tìm nguồn hàng hay đối tượng để bán lại. Bị cáo bị bắt quả tang khi đang vận chuyển ma túy cho Đ. Nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo Đ.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng:

- Đối với bị cáo Lê Văn Đ: khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Huỳnh Văn T chưa đủ 18 tuổi, nên bị cáo Đ bị áp tình tiết tăng nặng là “xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Huỳnh Văn T: không.

- Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tại thời điểm phạm tội bị cáo T chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng khoảng 6, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù điều luật quy định.

[5] Xét về mức hình phạt do vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 0,1550 gam ma túy loại Methamphetamine (hoàn lại sau giám định) là vật cấm tàng trữ nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động FPT màu Đ imei 1: 980011005255469, imei 2: 980011005305967; 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng là vật chứng trong vụ án, nên tịch thu, sung quỹ theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2, điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 36L2-0848, số khung: FND51000058; số máy YG15FMH030058 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Sáu, tuy nhiên tại cơ quan điều tra ông Sáu khai đã bán cho một người khác. Tại cơ quan điều tra ông Nguyễn Văn Ô khai nhận đây là tài sản của ông Ô, hiện ông đang giữ giấy đăng ký xe, yêu cầu được nhận lại xe. Xét việc ông Ô không biết việc bị cáo T sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội nên căn cứ theo khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho ông Ô.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng, số imei 1: 355079081392693, imei 2: 3550080081392691 là tài sản của ông Nguyễn Văn Ô. Xét việc ông Ô không biết việc bị cáo T sử dụng điện thoại để làm phương tiện phạm tội nên căn cứ theo khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho ông Ô.

- Đối với Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Văn T đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên hoàn trả lại cho bị cáo T theo quy định tại khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14-4-2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14-4-2019.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 0,1550 gam ma túy loại Methamphetamine (hoàn lại sau giám định).

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động FPT màu Đ imei 1: 980011005255469, imei 2: 980011005305967; 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ô xe mô tô biển số 36L2-0848, số khung: FND51000058; số máy YG15FMH030058 và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng, số imei 1: 355079081392693, imei 2: 3550080081392691.

- Hoàn trả Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Văn T cho bị cáo Huỳnh Văn T.

(Thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15-8-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương)

3. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Văn Đ nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T Sơn